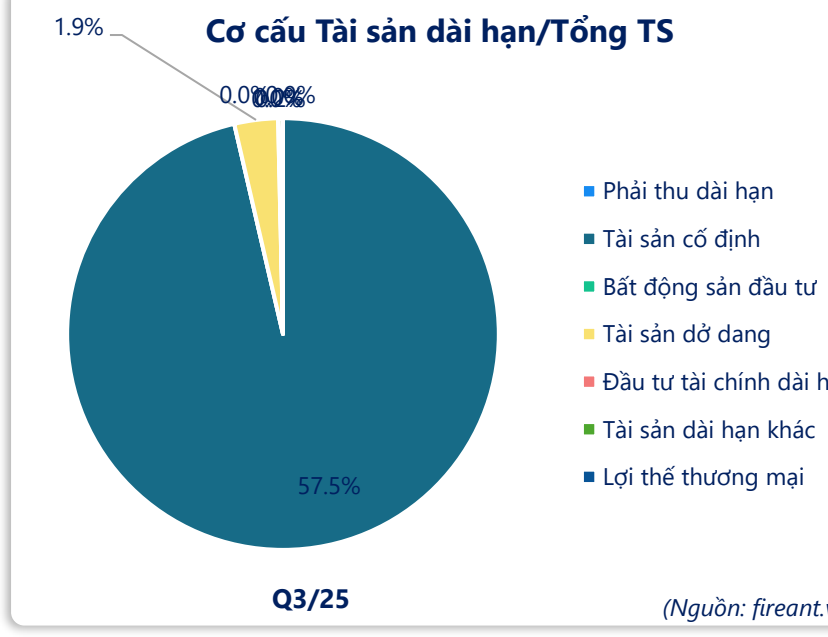
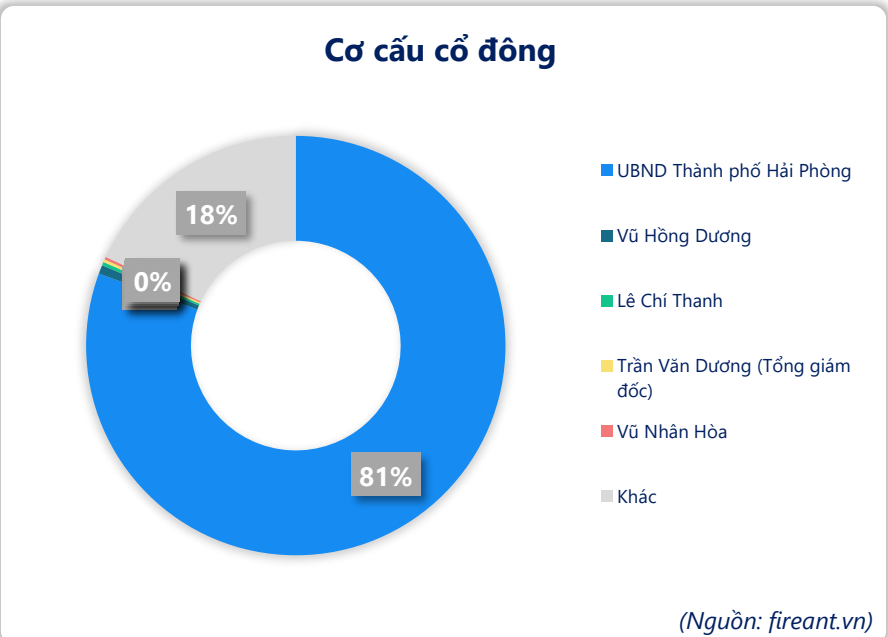
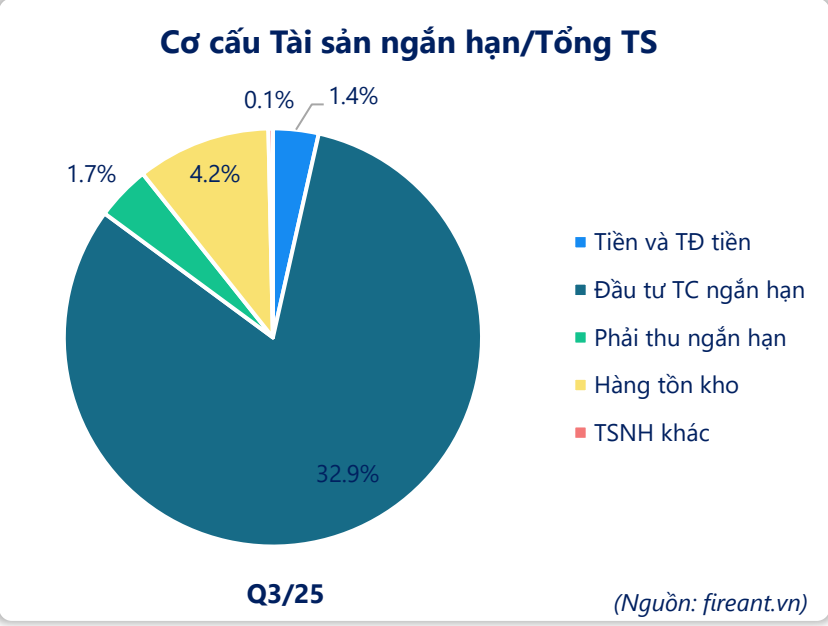
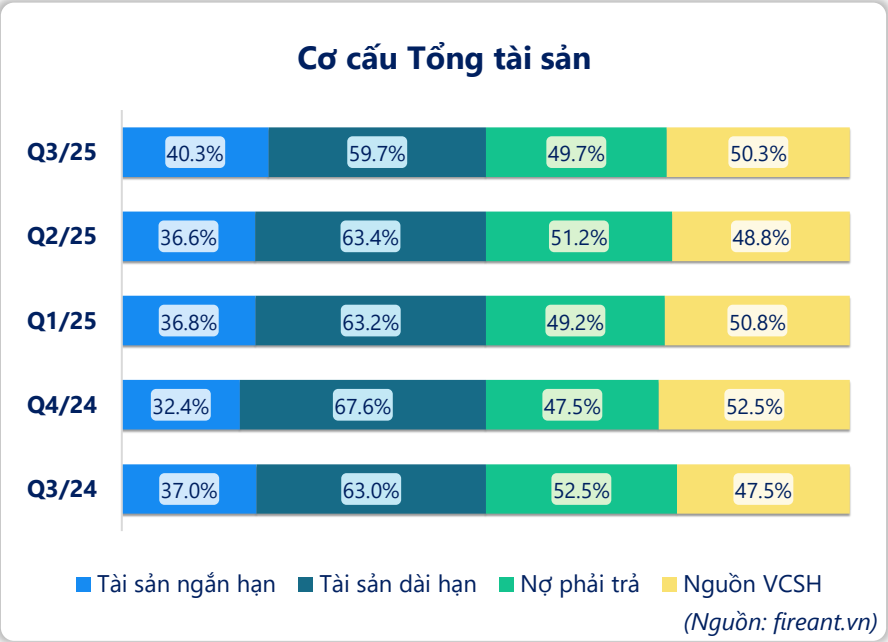
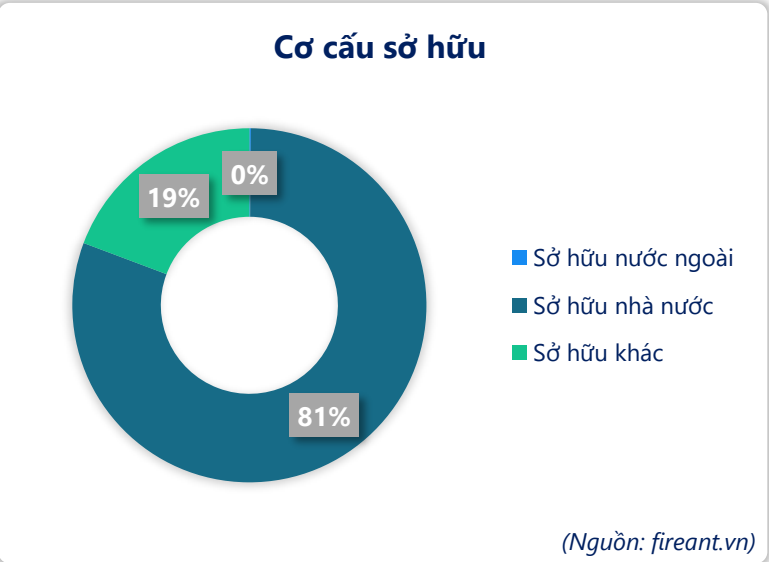
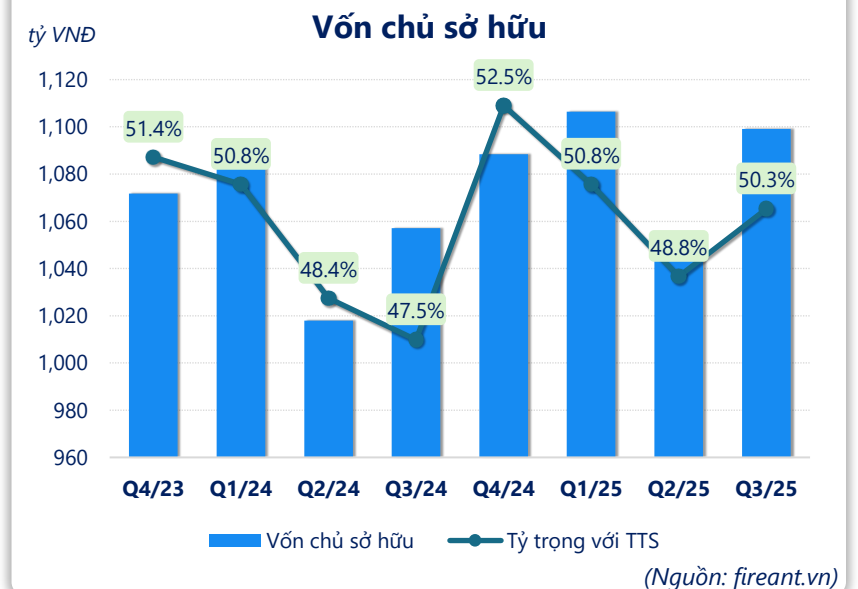
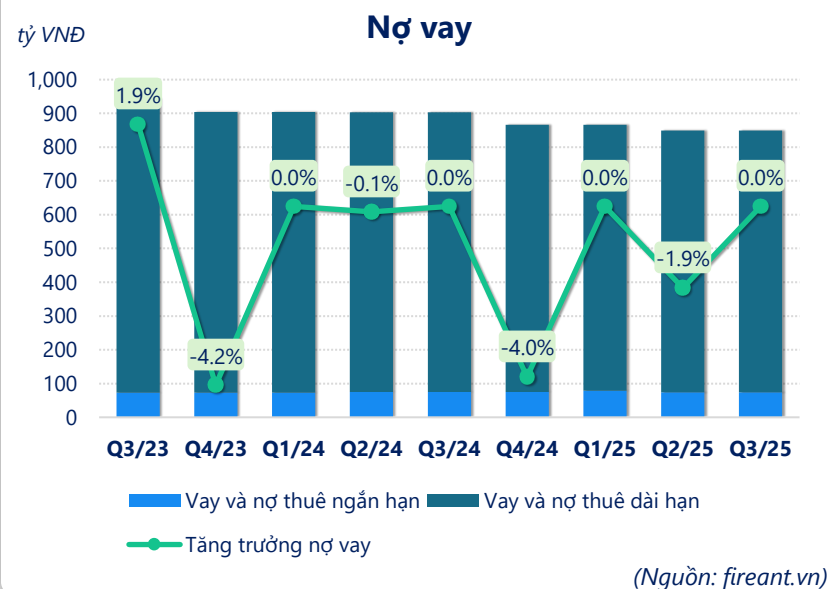
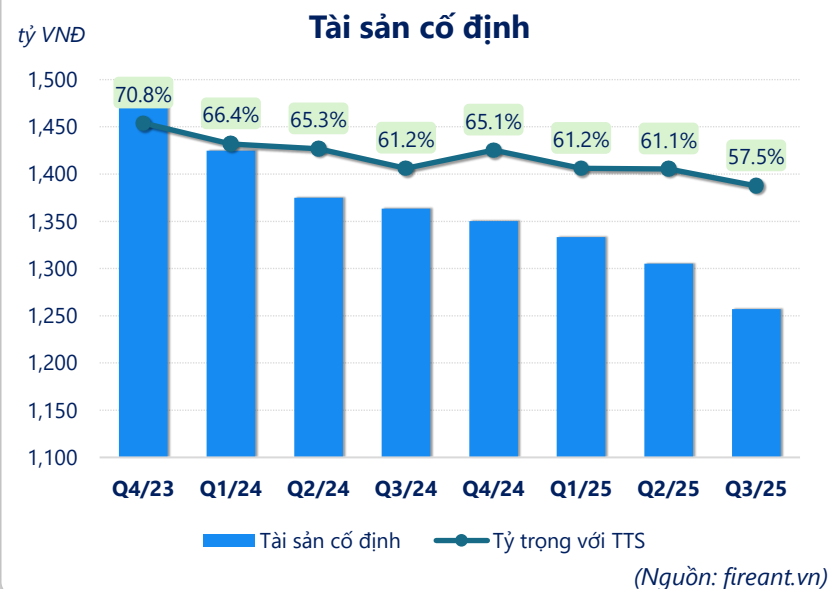
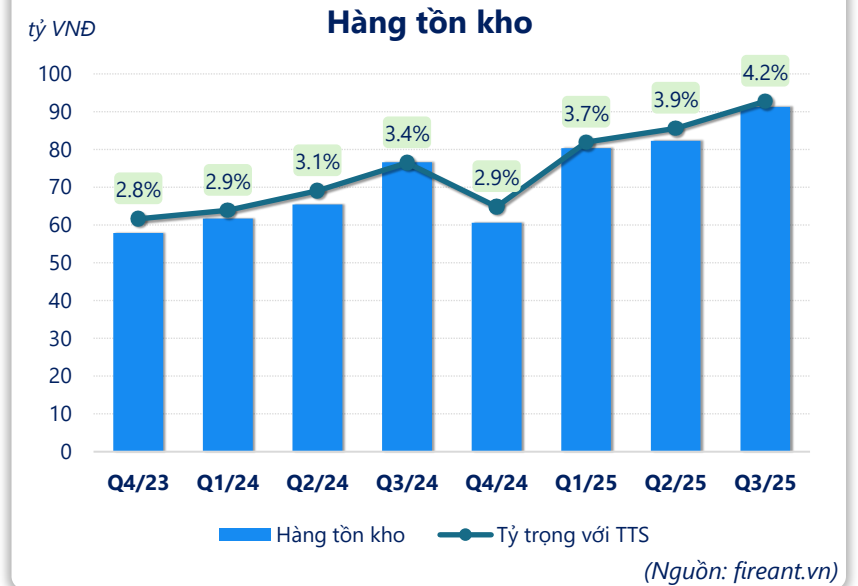
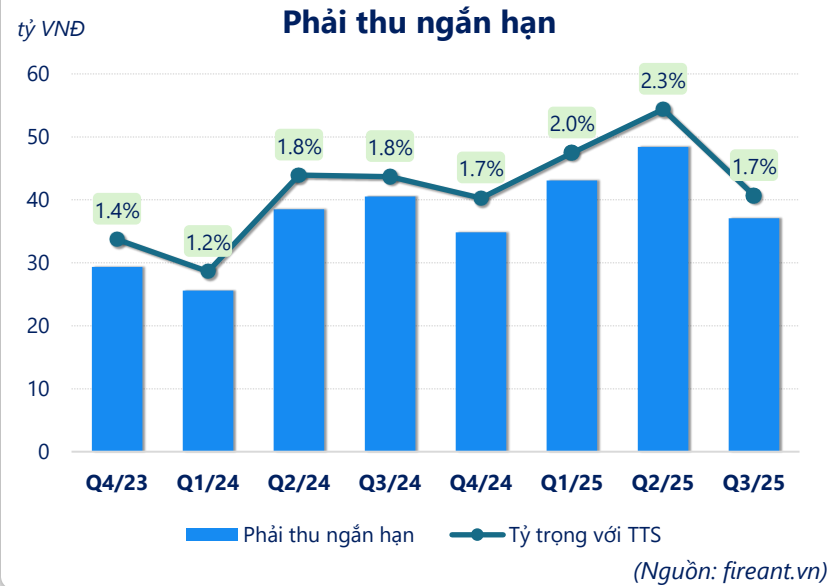
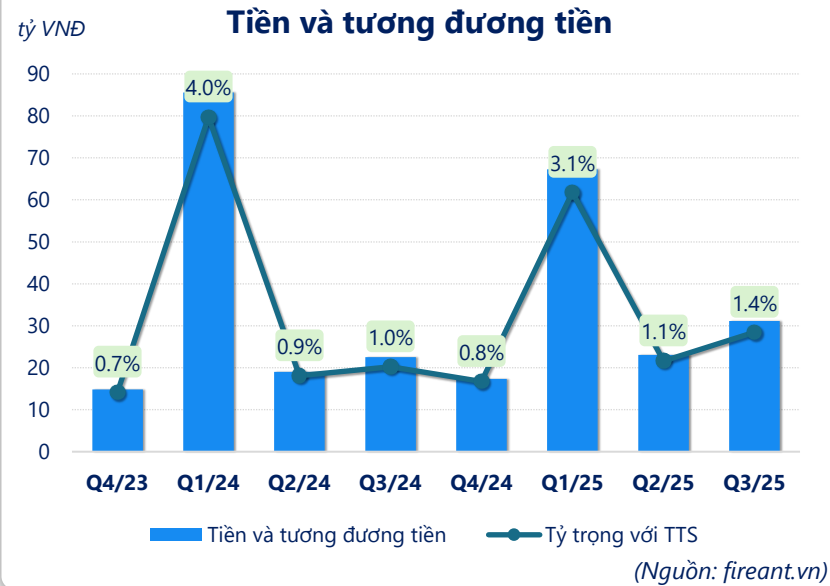
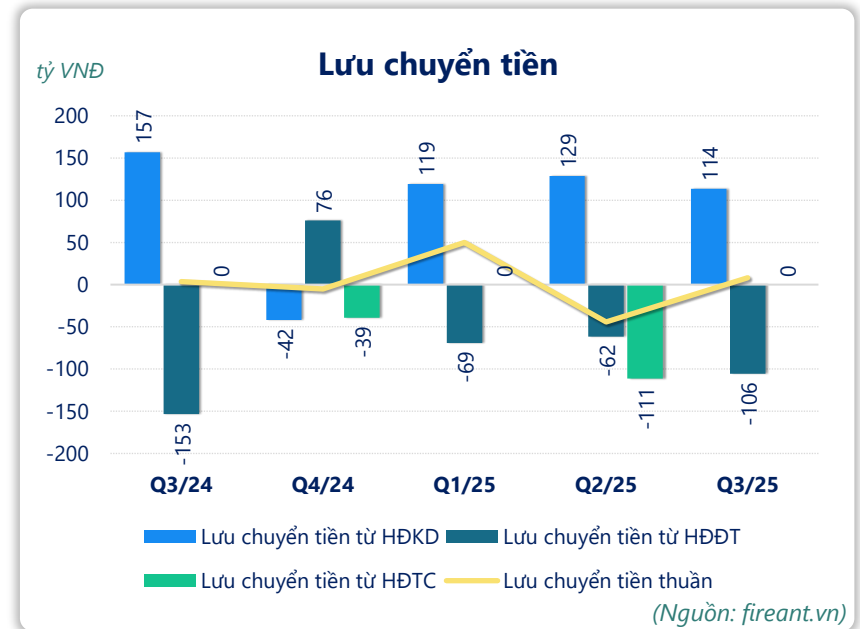
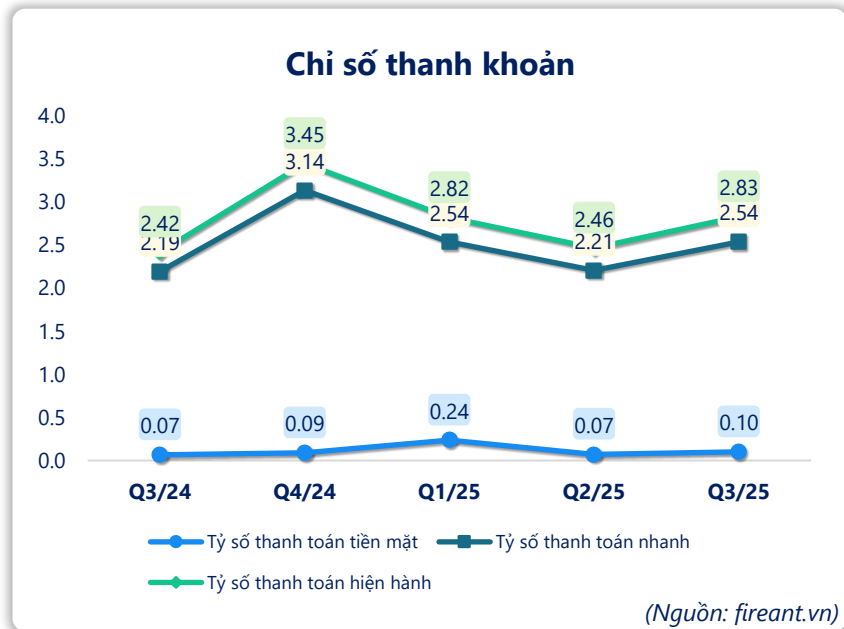
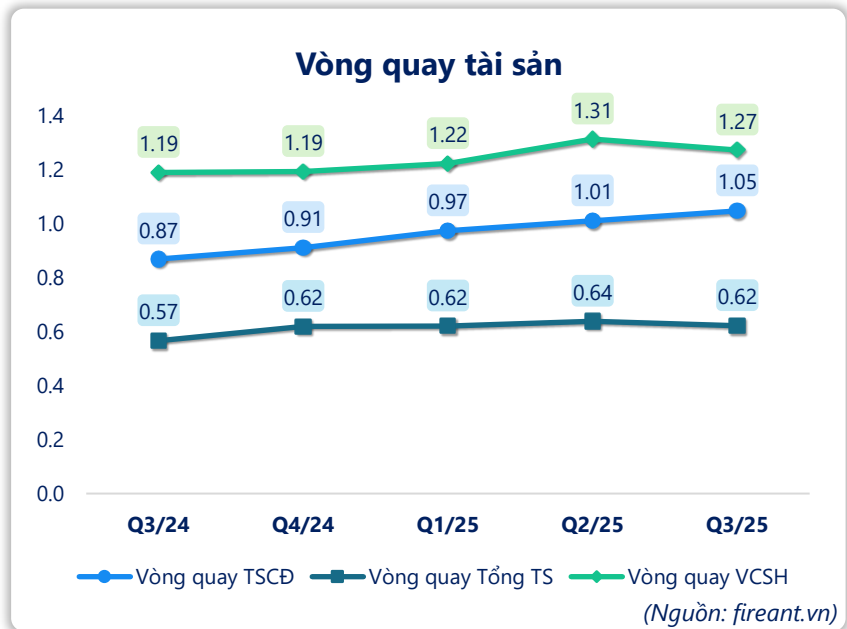
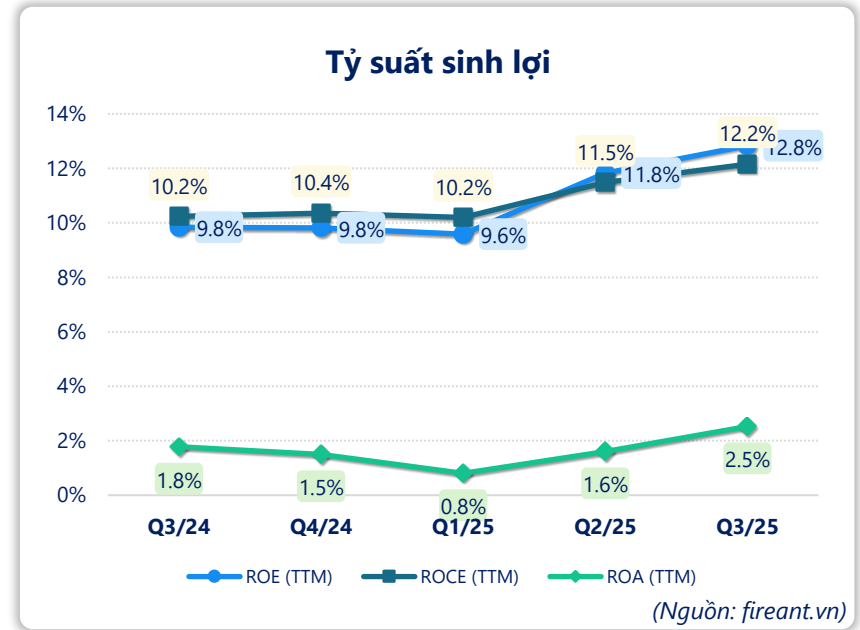
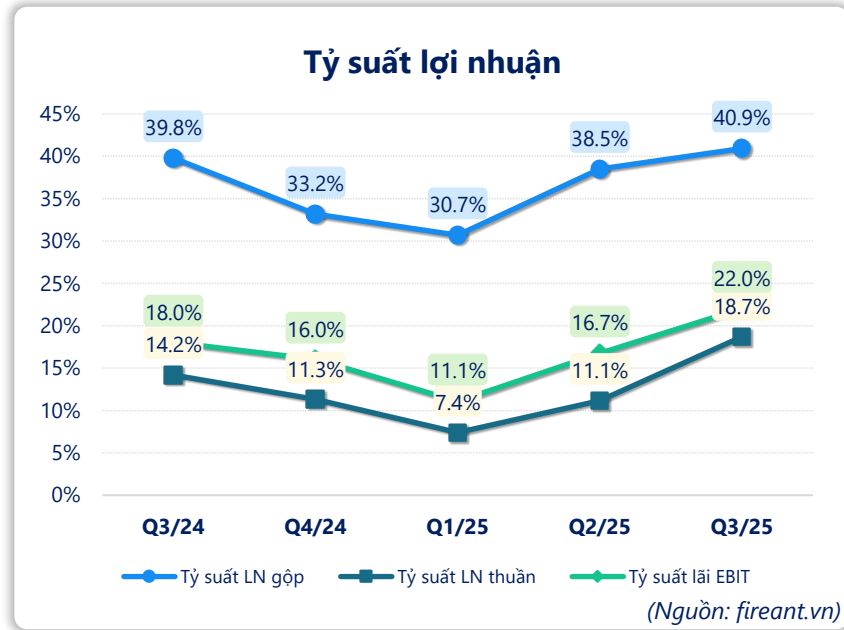
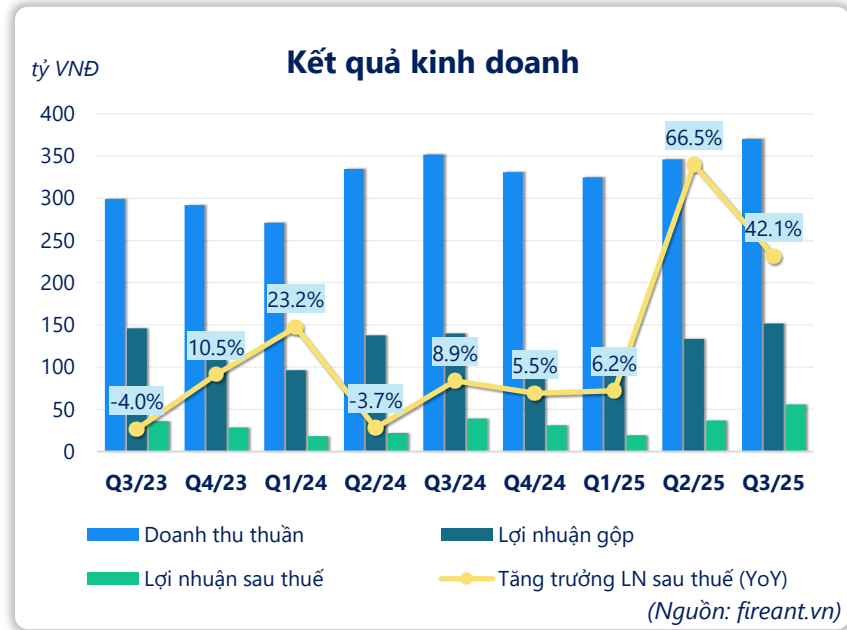


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		19,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		23,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,441
SL cổ phiếu LH		74,206,940
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,950
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,410
P/E		10.2
EPS		1,865

	YTD	1T	3T	6T
HPW	15.2%	1.6%	2.7%	-0.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,187	2,076	5.3%
Tài sản ngắn hạn	882	673	31.1%
Tiền và tương đương tiền	31.1	17.3	79.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	720	540	33.3%
Phải thu ngắn hạn	37.0	34.8	6.3%
Hàng tồn kho	91.3	60.6	50.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.07	20.6	-85.1%
Tài sản dài hạn	1,304	1,403	-7.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,257	1,351	-6.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	42.6	46.1	-7.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.70	0.70	0.0%
Tài sản dài hạn khác	4.03	5.04	-20.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,088	987	10.2%
Nợ ngắn hạn	312	200	56.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	73.8	78.4	-5.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.3	22.9	-46.3%
Nợ dài hạn	776	788	-1.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	776	788	-1.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,099	1,088	1.0%
Vốn chủ sở hữu	1,099	1,088	1.0%
Vốn điều lệ	742	742	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	352	331	325	346	370
Giá vốn hàng bán	212	221	225	213	219
Lợi nhuận gộp	140	110	99.7	133	152
Doanh thu HĐTC	5.78	7.84	6.05	7.52	7.31
Chi phí TC	14.4	16.6	11.9	35.1	12.0
Chi phí lãi vay	14.4	14.0	11.9	11.9	12.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	49.6	32.1	44.7	37.6	45.5
Chi phí QLDN	31.9	31.5	25.1	29.6	32.1
LN thuần từ HĐKD	49.8	37.4	24.0	38.6	69.2
Lợi nhuận khác	-0.85	1.62	0.06	7.47	0.34
LN trước thuế	49.0	39.0	24.1	46.0	69.6
Lợi nhuận sau thuế	39.2	31.2	19.3	36.8	55.7
LNST của CĐ cty mẹ	39.2	31.2	17.4	34.1	55.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	157	-42.0	119	129	114
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-153	75.9	-69.2	-61.5	-106
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-39.1	0	-111	0
Tiền đầu kỳ	19.0	22.5	17.3	67.3	23.1
Lưu chuyển tiền thuần	3.47	-5.17	50.0	-44.2	8.01
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.5	17.3	67.3	23.1	31.1

(Nguồn: fireant.vn)